TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai

Bà Hà Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoàng Hải Bình - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Lê Chân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 310/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị D, đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 26/50 D, phường D, quận L, H; chỗ ở hiện nay: Số 50/79/81 Đ, phường L, quận N, H; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Thanh T, đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 26/50 D, phường D, quận Lê Chân, Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 110/52 M, phường D, quận L, H; vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 07 tháng 01 năm 2020 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Vũ Thị D trình bày:

Chị Vũ Thị D và anh Lê Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2011,

được gia đình hai bên đồng ý tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận L, thành phố H vào ngày 30/8/2011. Đến nay có 03 con chung.

Quá trình chung sống: Vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do anh T mải mê lô đề, cờ bạc. Đến đầu năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn. Anh T không thay đổi cách sống, nhiều lần chị D phải trả nợ cho chồng. Hai bên gia đình đã khuyên giải và bản thân chị D cũng cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ tháng 5 năm 2019 chị D và các con ra ngoài ở riêng, hai bên đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, chị Vũ Thị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Lê Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Lê Thanh T, sinh ngày 08/01/2012; Lê Minh H, sinh ngày 19/10/2016 và Lê Liên N, sinh ngày 24/4/2018. Chị Vũ Thị D đề nghị Tòa án giao cả ba con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Thanh T không hợp tác, không có ý kiến trình bày hoặc đưa ra bất kỳ quan điểm nào đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị D.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, lấy ý kiến của đại diện gia đình anh T cho thấy: Mâu thuẫn giữa chị Vũ Thị D và anh Lê Thanh T nảy sinh từ khoảng năm 2018 đến nay. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay chị D có đơn xin ly hôn, gia đình mong Tòa án hòa giải để anh chị về đoàn tụ, trường hợp không thể đoàn tụ thì đề nghị Tòa án căn cứ các quy định pháp luật hiện hành để giải quyết cho anh chị được ly hôn theo nguyện vọng của chị D.

Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục về pháp luật tố tụng tại phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội D vụ án: Chị Vũ Thị D và anh Lê Thanh T kết hôn từ năm 2011 và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận L, thành phố H vào ngày 30/8/2011 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống nên vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị D ly hôn anh T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Chị D và anh T có ba con chung là Lê Thanh T, sinh ngày 08/01/2012; Lê Minh H, sinh ngày 19/10/2016 và Lê Liên N, sinh ngày 24/4/2018. Con lớn là Lê Thanh T đã trên 7 tuổi và có đơn trình bày nguyện vọng được ở với chị D; việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét yêu cầu trên là phù hợp, cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu về tài sản chung nên không xem xét.

Về án phí: Chị Vũ Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; theo đơn khởi kiện, trình bày của đương sự và xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú thể hiện: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1988; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 26/50 D, phường D, quận L, H; chỗ ở hiện nay: Số 110/52 M, phường D, quận L, H. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn là chị Vũ Thị D và bị đơn là anh Lê Thanh T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là anh Lê Thanh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Thanh T.

Về nội D:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị D và anh Lê Thanh T kết hôn từ năm 2011 và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 30/8/2011 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống: Vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn do anh T mải mê cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình. Mặc dù hai bên gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng không hòa giải được. Từ tháng 5 năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai về mọi mặt. Quá trình giải

quyết vụ án, anh T không hợp tác, điều đó cho thấy anh T tự từ bỏ quyền cũng như không thực hiện nghĩa vụ của mình trong tố tụng dân sự. Qua xác minh tại gia đình, nơi cư trú của chị D và anh T cho thấy mâu thuân vợ chồng đã trầm trọng, quan hệ vợ chồng trên thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi vậy chị D yêu cầu được ly hôn anh T là phù hợp với thực tế, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Chị D và anh T có ba con chung là Lê Thanh T, sinh ngày 08/01/2012; Lê Minh H, sinh ngày 19/10/2016 và Lê Liên N, sinh ngày 24/4/2018. Quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến gì về việc ly hôn, nuôi con, chị D có nguyện vọng được nuôi cả ba con đến khi thành niên. Thực tế cả ba cháu đều đang sống với chị, con Lê Thanh T có đơn xin được sống với mẹ. Xét đề nghị của chị D là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con và quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Chị D trình bày vợ chồng không có tài sản gì chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Chị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Lê Thanh T.

- Về con chung: Giao cả ba con là Lê Thanh T, sinh ngày 08/01/2012; Lê Minh H, sinh ngày 19/10/2016 và Lê Liên N, sinh ngày 24/4/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Vũ Thị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị D đã nộp đủ số tiền án phí là 300.000đ theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số 0013808 ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.Lê Chân;
- UBND p.D, Q.L, H (GCNKH ngày 30/8/2011);
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thùy Linh